CHÚA TRỊNH DOANH (1740-1767) VÀ THÁM HOA VŨ CÔNG TỂ (1687-1742): SỰ GẶP GỠ TRONG TÀI NĂNG TRỊ QUỐC VÀ KINH BANG TẾ THẾ

ĐINH THỊ HẢI ĐƯỜNG
Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nhận bài ngày 05/10/2026. Sửa chữa xong 01/11/2026. Duyệt đăng 07/11/2026.

Abstract

In the 1730s, the Lê–Trịnh administration in Đàng Ngoài fell into a severe crisis under Lord Trịnh Giang. After taking power in 1740, Trịnh Doanh introduced policies aimed at restoring political, economic, and social stability and improving the welfare of the population. He made the appointment of capable officials a priority in his efforts to revitalize the country and received substantial support from Vũ Công Tể, a senior official who held the distinction of thám hoa. This article examines how Trịnh Doanh's vision for governance and Vũ Công Tể's administrative abilities complemented each other. Their relationship sheds light on how the Lê–Trịnh administration recruited and employed talented officials and offers a fuller account of eighteenth-century Đàng Ngoài.

Keywords: *Eighteenth-century Đàng Ngoài, Lord Trịnh Doanh, Vũ Công Tể.*

1. Đặt vấn đề

Vào thập niên 30 của thế kỷ XVIII, chính quyền Đàng Ngoài lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng dưới thời chúa Trịnh Giang (1730–1740), đặt ra yêu cầu phải có sự thay đổi người thực quyền và chính danh ngôi chúa để cứu vãn tình thế. Trong bối cảnh lịch sử đó, Trịnh Doanh lên ngôi chúa vào năm 1740 và đã cho thực hiện nhiều chính sách, biện pháp trị quốc an dân, nhằm ổn định tình hình chính trị, kinh tế, xã hội ở Đàng Ngoài. Trong những biện pháp trị quốc an dân đó, nhà chúa coi trọng việc trọng dụng hiền tài và đồng thời cũng nhận được sự phò tá đắc lực của những vị hiền tài đất nước, trong đó có Thám hoa Vũ Công Tể. Ở chúa Trịnh Doanh (1740–1767) và Thám hoa Vũ Công Tể (1687–1742) có sự gặp gỡ của tầm nhìn trị quốc và tài kinh bang tế thế. Nghiên cứu mối quan hệ giữa hai nhân vật tài đức này trong tầm nhìn trị quốc an dân và tài kinh bang tế thế không chỉ góp phần tìm hiểu chính sách sử dụng và trọng dụng nhân tài dưới thời Lê – Trịnh, mà còn góp phần tái hiện bức tranh lịch sử chính trị - kinh tế - xã hội về một thời đoạn lịch sử ở Đàng ngoài thế kỷ XVIII.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Bối cảnh Đại Việt ở Đàng Ngoài và tầm nhìn trị quốc, an dân của chúa Trịnh Doanh

Chúa Trịnh Doanh (1720-1767) tên huý là Giám, miếu hiệu Nghị tổ, thụy hiệu Chiêu Thánh, là con thứ 3 của chúa Trịnh Cương, em của chúa Trịnh Giang, ở ngôi chúa 28 năm, hưởng thọ 48 tuổi (Phan Huy Chú, 2007a, tr. 254; Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789), 2018, tr. 83; Trịnh Quốc Tuấn, 2026, tr. 250). Chúa là người thông minh, sáng suốt, quả quyết, khiêm nhường, được lòng người, biết trọng dụng hiền tài, có văn võ tài lược yên định được nghiệp lớn.

Vào năm Bính Thìn (1736), khi Trịnh Doanh 17 tuổi đã được chúa Trịnh Giang tiến phong làm Khâm sai tiết chế các xứ thủy bộ chư quân, Thái úy tước An quốc công, mở phủ Lượng Quốc để quán xuyến quản lý thay việc triều chính. Mặc dù lúc này ông bị quan nội thần Hoàng Công Phụ (hoạn quan lộng quyền của chúa Trịnh Giang) ganh ghét tài năng mà nghĩ cách giảm bớt uy quyền nhưng Trịnh Doanh

Email: vunham252@gmail.com

vẫn khiêm nhường "giữ gìn kín đáo" và dẫu "có tài nhưng vẫn giấu kín" (Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789), 2018, tr. 158, 170-171; Phan Huy Chú, 2007a, tr. 254, 346).

Dưới thời chúa Trịnh Giang (1730-1740), sau những năm đầu tích cực việc nước, chúa Trịnh Giang dần chểnh mảng việc chính sự, thích đi chơi xem các nơi danh sơn chùa cổ, làm nhiều cung quán ở tứ trấn, hoang dâm càn rỡ, ưa thích tĩnh dưỡng nơi tĩnh mịch, dung túng cho hoạn quan "Hoàng Công Phụ cùng thân đảng lộng hành trộm cầm quyền", "công việc triều đình, Nhiếp chính công (Trịnh Doanh) phải cho người đi lấy chỉ của chúa, không dám tự quyết, triều chính vì thế rối rắm". Trong nước, "những nhà bị bắt bớ gia sản hết sạch không sót tý gì. Ai cũng không tự bảo toàn được thân mình. Phú dịch phiền phức nặng nề, không biết kêu vào đâu được. Dân đều than thở, oán hận, mong loạn (....). Người chỗ nào cũng nổi lên hàng bầy, không thể cấm ngăn được" (Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789), 2018, tr.169-170). Thực trạng triều chính và xã hội Đàng Ngoài rối loạn, khủng hoảng trầm trọng.

Trước thực cảnh đó, đến tháng Giêng năm Canh Thân (1740), sau 6 năm Trịnh Doanh tạm coi việc triều chính, với sự ủng hộ của Thái phi Vũ Thị và vua Lê Ý Tông, các quan thân cận trong triều đã chủ động mưu lược định kế và quyết liệt dốc lòng, dốc sức nhân thời cơ thuận lợi mà tôn lập Trịnh Doanh lên ngôi chúa. Sau nhiều lần khước từ, ông vì đại nghiệp của đất nước nên cuối cùng cũng đành "bất đắc dĩ gượng theo" (Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789), 2018, tr. 170-171), kế nhiệm ngôi chúa trong chính quyền Lê – Trịnh ở Đàng Ngoài. Dưới thời Lê Trung hưng (1533-1788), thiết chế "lưỡng đầu" vua Lê – chúa Trịnh tồn tại với quyền lực thực tế nằm trong tay chúa Trịnh, vua Lê chỉ còn giữ vai trò tượng trưng, quyền lực chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Bởi vậy, công nghiệp trị quốc an dân lúc này được đặt nặng lên vai chúa Trịnh Doanh.

Sau khi lên ngôi chúa, Trịnh Doanh đã có nhiều nỗ lực và đạt được nhiều hiệu quả trong việc chấn chỉnh triều chính, đối phó với khởi nghĩa nông dân, phục hồi sản xuất kinh tế, ổn định xã hội, ổn định tình hình Đàng Ngoài. Nhà chúa đã tận lực giúp vua Lê điều hành quản lý đất nước, giúp cho Đàng Ngoài dần đi vào yên ổn. Vào tháng Giêng năm Canh Thân (1740), để khắc phục và giải quyết tình trạng khủng hoảng của chính trị - quân sự, kinh tế, xã hội, ngay sau khi lên ngôi chúa, Trịnh Doanh đã ban bố 15 điều đổi mới với nội dung đổi mới rộng khắp các lĩnh vực (Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789), 2018, tr. 171-172). Trong thời gian ở ngôi chúa, ông thực hiện một loạt các chính sách, biện pháp trị quốc an dân, củng cố triều chính, thiết lập kỷ cương, định rõ quan chế, trọng dụng nhân tài, phục hồi và ổn định sản xuất, giúp dân an lạc, trấn áp và bình định các cuộc nổi dậy, ổn định xã hội.

Về củng cố bộ máy triều chính, vào năm Nhâm Tuất (1742), chúa Trịnh Doanh cho tiến hành khảo xét thành tích của đội ngũ quan lại văn võ, đồng thời quy định hằng ngày luân phiên các quan từ Tam phẩm trở xuống phải hai người vào chầu để trả lời những vấn đề do chúa đặt ra liên quan đến chính lệnh và phương sách xử lý quốc sự (Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789), 2018, tr. 197). Đến năm Tân Mùi (1751), nhận thấy "từ khi có việc dụng binh, pháp luật nới lỏng, các ty trong ngoài khinh thường chểnh mảng" mà hiện nay trong nước đã yên ổn, nên chúa Trịnh Doanh đã cho xét định chức vụ các quan (Phan Huy Chú, 2007a, tr. 577), giúp cho quan chế được rõ ràng, việc thực hiện quan chế được quy củ. Chính sách trọng dụng người tài, khen thưởng khích lệ cũng được chúa Trịnh Doanh đặc biệt quan tâm. Những công thần tôn phò chúa lên ngôi vị được Trịnh Doanh tin cậy, tín nhiệm và trọng dụng, thăng thưởng chức tước; con cháu công thần được lựa xét bổ dụng (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr. 523; Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789), 2018, tr. 172-173). Chúa cũng ban thưởng cho những người có công dẹp "loạn giặc", trọng dụng người có tài cán mưu lược, thực hiện nhiều quy định, chính sách mang tính khoan dung, nhân từ, đúng người đúng tội, từ đó làm cho "người có tài bị yểm trệ ai cũng phấn khởi" (Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789), 2018, tr. 173, 172).

Trên lĩnh vực kinh tế - xã hội, để rộng đường sinh kế cho những thương nhân buôn bán, vào năm Quý Hợi (1743), nhà chúa đã cho bãi thuế sở trần, thuế bến đò ở Đàng Ngoài. Ông cũng liên tiếp kịp thời cho phát chẩn, cứu đói, miễn tô thuế cho dân (như vào các năm Canh Thân (1740), Tân Dậu (1741)…); miễn tiền tạ lễ, tiền tra xét cho dân nghèo bị kiện; nghiêm cấm quan lại, người quyền quý ức

hiếp người dân. Đặc biệt, Trịnh Doanh chủ trương đặt quan Phúc hiến[1] để kiểm xét việc xử án, tránh án oan cho những người vô tội (Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789), 2018, tr. 202, 190, 196, 198).

Trên lĩnh vực quân sự, chúa Trịnh Doanh đã có nhiều kế sách thảo phạt, trấn áp, thu phục các cuộc nổi dậy, phản kháng xã hội ở thời kỳ này, trong đó có cả những kế sách phòng thủ, tiến công, chiêu dụ "loạn giặc". Trong công nghiệp thảo phạt, nhà chúa vừa thể hiện được năng lực quân sự lại vừa thể hiện tài năng thu phục nhân tâm (thu phục lòng quân, lòng dân). Công cuộc "Bình Tây" của chúa được chính quyền Lê – Trịnh đánh giá là một "võ công" hiển hách và được thể hiện rõ qua ghi chép trong Bình Tây thực lục thời Lê - Trịnh (Tứ bình thực lục thời chúa Trịnh, 2009, tr. 32, 33, 35, 57, 58). Trong phép kỷ luật nhà binh, ông nhiều lần ra lệnh nghiêm cấm quân binh sách nhiễu, cướp đoạt của dân, và "phải sẵn lòng vỗ về yên ủi trăm họ" (Tứ bình thực lục thời chúa Trịnh, 2009, tr. 37, 32, 33, 35, 57, 58; Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr. 529).

Trên lĩnh vực giáo dục – khoa cử, nhà chúa cũng cho chấn chỉnh để nghiêm việc khoa cử (Phan Huy Chú, 2007b, tr. 31-32). Tài đức của chúa Trịnh Doanh không chỉ được thể hiện nổi bật trên lĩnh vực chính trị - quân sự, trị nước – an dân, ổn định kinh tế - xã hội và làm nghiêm phép khoa cử mà còn được thể hiện rõ nét qua các sáng tác thơ của ông. Trong số các vị chúa của dòng họ Trịnh, Trịnh Doanh là một trong những vị chúa có tài thi ca, với sở trường về sáng tác thơ Nôm (Nguyễn Tá Nhí, 2012, tr. 321).

Có thể thấy, Trịnh Doanh là vị chúa tài kinh bang tế thế, trị quốc an dân, có đức độ của bậc quân tử. Ông đã có những công lao, đóng góp lớn cho việc ổn định xã hội Đàng Ngoài, góp phần làm giảm bớt tình trạng khủng hoảng ở Đàng Ngoài vào những thập niên giữa thế kỷ XVIII. Bằng tài năng và đức độ của mình, chúa Trịnh Doanh đã quy tụ, tập hợp được nhiều thân thần tài giỏi phò tá nghiệp nước, trong đó có Thám hoa Vũ Công Tể. Trong những năm đầu thành tựu trị quốc, an dân của vị chúa tài đức này, trọng thần Vũ Công Tể đã có những đóng góp quan trọng, được chúa Trịnh Doanh trọng dụng, phát huy và phát triển tài mưu lược kinh bang tế thế. Và chính sự trọng dụng của chúa Trịnh Doanh đối với tài kinh bang tế thế của Vũ Công Tể cũng đồng thời là một thể hiện, một minh chứng rõ nét cho tài trí và đức độ của vị chúa sáng này.

2.2. Tài năng kinh bang tế thế của Thám hoa Vũ Công Tể

Vũ Công Tể (1687-1742), hiệu là Đoan Nhã, người xã Hải Bối, huyện Yên Lãng, phủ Tam Đới, trấn Sơn Tây (ngày nay là xã Vĩnh Thanh, Thành phố Hà Nội). Khi còn nhỏ, ông có tên là Công Quần, khi trưởng thành thì đổi tên là Công Tể (Nguyễn Minh Tường, 2026, tr. 17). Ông sinh trưởng và làm quan dưới triều vua Lê – chúa Trịnh vào những năm cuối thế kỷ XVII - nửa đầu thế kỷ XVIII; là người ngay thẳng, liêm khiết, một nhà Nho đức độ, có học vấn cao đứng đầu thi Hội, thi Đình, "là người văn học" và mưu trí, một chính trị gia tài năng với tài kinh bang tế thế, được các chúa Trịnh "trọng đãi" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr. 521-522; Nguyễn Minh Tường, 2026, tr. 20, 22).

Sinh ra vào thời chúa Trịnh Căn (1682-1709), quan lộ của Vũ Công Tể trải dưới thời đoạn của 3 đời chúa Trịnh kế tiếp. Dưới thời chúa Trịnh Cương (1709-1729), ông đỗ Hội nguyên và Đình nguyên tại khoa thi năm Mậu Tuất niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 14 (1718), trở thành vị Thám hoa triều Lê[2]. Vị chúa đầu tiên phát hiện và trọng dụng tài năng của Vũ Công Tể chính là chúa Trịnh Cương, khi vào năm Ất Tỵ (1725) chúa bổ nhiệm Vũ Công Tể đến chức Bồi tụng nơi phủ đường, sau đó cử ông cùng Bồi tụng Hồ Phi Tích đi sứ nhà Thanh thực hiện sứ mệnh "hội đồng với uỷ quan nhà Thanh để điều tra khám xét địa giới Tuyên [Quang], Hưng [Hoá]" (Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789), 2018, tr. 102). Tuy nhiên, sau đó, trong các ghi chép chính sử triều Lê và triều Nguyễn đều không cho biết thêm thông tin về Vũ Công Tể cũng như các hoạt động chốn quan trường của ông trong những năm còn lại dưới thời chúa Trịnh Cương. Vào tháng 8 năm Quý Sửu (1733), dưới thời chúa Trịnh Giang (1730 - 1740), ông được chúa điều lên làm Đốc trấn Cao Bằng, nhưng một thời gian ngắn sau lại cho đổi, thay Lê Vỹ giữ chức này (Đại Việt

1) Quan *Phúc hiến* (hoặc đọc là *nghiễn*): là chức quan xét lại các án có nghi ngờ là bị xử oan.

2) Khoa thi năm Mậu Tuất niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 14 (1718) lấy đỗ 16 người, hạng Tiến sĩ cập đệ không lấy đỗ được Đệ nhất danh (Trạng nguyên) và Đệ nhị danh (Bảng nhãn), chỉ lấy đỗ được Đệ tam danh (Thám hoa) là Vũ Công Tể.

sử ký tục biên (1676-1789), 2018, tr.150). Sử sách lại tiếp tục không thấy ghi chép thêm thông tin về Vũ Công Tể những năm sau đó thời Trịnh Giang.

Cho đến thời chúa Trịnh Doanh (1740-1767), Vũ Công Tể một lần nữa được trọng dụng và giữ những vị trí, chức nhiệm cao trong cả phủ đường (chúa Trịnh) và triều đường (vua Lê) cho đến khi ông qua đời vào năm Nhâm Tuất (1742). Ông được chúa Trịnh và vua Lê tin yêu giao cho nhiều trọng trách và ban những chức quan đầu triều, ban phẩm tước cao, như các chức Tham tụng, Thượng thư bộ Lại, Chiêu phủ sứ, và tước Quận công… Qua khái quát những chức vụ, trọng trách mà Vũ Công Tể đã kinh qua, có thể thấy, trong số ba vị chúa kể trên, người phát huy và phát triển, trọng dụng tài kinh bang tế thế của Vũ Công Tể ở những chức vị cao nhất chính là vị chúa thứ ba đầy tài giỏi này: chúa Trịnh Doanh.

Vào năm Canh Thân (1740), ngay sau khi lên ngôi chúa, Trịnh Doanh đã nhanh chóng trọng dụng Vũ Công Tể, bổ nhiệm ông vào chức Tham tụng Phủ liêu (của phủ đường chúa Trịnh) cùng với các vị đại công thần tài năng và tâm phúc khác là Nguyễn Quý Cảnh và Nguyễn Công Thái, để phò giúp chúa "công việc chính trị", giúp nhà chúa hoàn thành trọng trách "chính sự đổi mới" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr. 521-522; Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789), 2018, tr. 175). Dưới triều đình Lê – Trịnh, Phủ đường chính là nơi chúa Trịnh cùng với các đại thần bàn định việc chính sự, điều hành triều chính và quản lý đất nước. Theo khảo cứu của tác giả Đỗ Văn Ninh trong Từ điển chức quan Việt Nam, "chính sự về phủ Chúa, Tham tụng là Tể tướng nhưng là quyền chứ không phải chức. Chọn dùng người không cứ phẩm trật, có khi là Thượng thư, có khi là Thị lang mà hành Tham tụng" (Đỗ Văn Ninh, 2002, tr. 617-618). Như vậy, Tham tụng đứng đầu Phủ liêu (quan văn) nơi phủ đường của chúa Trịnh, tương đương với Tể tướng nơi triều đường của vua Lê nhưng là quyền chứ không phải chức. Trong khi chức Bồi tụng mà Vũ Công Tể được đảm nhiệm dưới thời chúa Trịnh Cương là chức quan thứ hai (Á tướng) nơi Phủ liêu, đứng sau Tham tụng (Tể tướng), mang hàm dưới Tham tụng và giúp Tham tụng (Đỗ Văn Ninh, 2002, tr. 107).

Đại Việt sử ký tục biên cũng cho biết chúa Trịnh Doanh rất coi trọng Vũ Công Tể, "bèn cất lên đứng đầu bộ Lại, giao cho việc then chốt" (Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789), 2018, tr. 199). Qua đó có thể thấy, dưới thời chúa Trịnh Doanh, Vũ Công Tể đã được chúa tin dùng, cất nhắc, trọng dụng vào những chức quan cao nhất, trở thành một trong những vị quan đại thần đứng hàng đầu đội ngũ quan lại nơi phủ chúa (hàng quan văn) với chức Tham tụng và là một trong những vị quan đại thần đứng hàng đầu quan lại nơi triều đường vua Lê với chức Thượng thư Bộ Lại. Vũ Công Tể đã trở thành vị trọng quan đại thần dưới triều vua Lê Hiển Tông và chúa Trịnh Doanh.

2.3. Sự gặp gỡ trong tài năng trị quốc và kinh bang tế thế của chúa Trịnh Doanh và Thám hoa Vũ Công Tể

Đến tháng 10 năm Tân Dậu (1741), tin tưởng vào tài đức an dân của Tham tụng Vũ Công Tể và Tham tụng Nguyễn Quý Kính, Trịnh Doanh cử hai ông đảm đương trọng trách của quan Chiêu phủ sứ đến các đạo khuyên dân làm ruộng, trồng dâu, chiêu tập dân phiêu tán, mộ người làm ruộng, khai khẩn đất bỏ hoang, tìm bắt trộm cướp (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr.553; Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789), 2018, tr. 194-195).

Trịnh Doanh lên ngôi chúa trong bối cảnh xã hội và chế độ quân chủ ở Đàng Ngoài đang rơi vào giai đoạn khủng hoảng, nhất là từ thập niên 30 của thế kỷ XVIII. Dưới thời chúa Trịnh Giang (1730-1740), cuộc khủng hoảng ở Đàng Ngoài đã bộc lộ rõ trên nhiều phương diện. Tình trạng dân xiêu tán trở nên trầm trọng, nạn dân lưu tán và các cuộc nổi dậy của nhiều tầng lớp nhân dân đã trở thành một hiện tượng xã hội có tính phổ biến ở Đàng Ngoài giai đoạn này, "báo hiệu giai đoạn cuối của chế độ phong kiến Việt Nam đã bắt đầu" (Trương Hữu Quýnh, 2009, tr.475). Thực trạng này vẫn rất trầm trọng trong năm đầu khi chúa Trịnh Doanh mới lên ngôi. Vào năm Tân Dậu (1741), Tham tụng Vũ Công Tể giữ chức Chiêu phủ sứ đi chiêu phủ dân phiêu tán ở tứ trấn (Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Nam, Sơn Tây) khi nạn đói nghiêm trọng đang xảy ra khắp nơi ở Đàng Ngoài, nhân dân xiêu tán, tha hương cầu thực, đồng ruộng bị bỏ hoang, trộm cướp nổi lên mọi nơi, thóc gạo khan hiếm và giá cả thì cao vọt, tiền bạc mất giá đến

nỗi 100 đồng tiền cũng không đủ một bữa ăn no, "nhân dân phần nhiều phải ăn rau, ăn củ, đến nỗi ăn cả thịt rắn, thịt chuột, chết đói chồng chất lên nhau; số dân còn lại mười phần không được một. Làng nào vốn có tiếng trù mật cũng chỉ còn lại độ năm ba hộ mà thôi" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr.551-552). Thậm chí có người giàu, tiền bạc chất chứa trong nhà nhưng cũng không thể mua đổi được thóc gạo và vẫn phải chịu cảnh chết đói ở chùa (Phạm Đình Hổ, 2003, tr.174). Thực trạng làng xóm có đến 3.691 hương (làng) tứ trấn hoang tàn, xơ xác có dân xiêu tán, trong đó nơi nghèo phiêu tán nhiều nhất lên đến 1.730 hương, nơi phiêu tán vừa thì lên đến 1.961 hương (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr.553). Sự khốn khổ đến bước đường cùng của người dân dễ đẩy họ vào vòng xoáy của những cuộc nổi dậy đang bùng phát mạnh mẽ ở nhiều nơi.

Mặc dù sử thần triều Lê và sử quan triều Nguyễn không ghi thêm nhiều thông tin cụ thể hơn về việc thực hiện các nhiệm vụ này của Vũ Công Tể và Nguyễn Quý Kính, song với "sở trường về văn học, có mưu mô, tài trí" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr.559-560) và là một trọng quan đại thần được tín nhiệm, thu phục được nhân tâm, được các sử gia triều Lê và triều Nguyễn đánh giá cao trong các ghi chép thư tịch, Vũ Công Tể chắc hẳn đã thực hiện tốt trọng trách của một Chiêu phủ sứ, khuyến dụ những lưu dân phiêu tán quay trở về sản xuất nông nghiệp, chiêu mộ và tổ chức họ khai khẩn đất đã từng bị họ bỏ hoang, tổ chức người dân tìm bắt trộm cướp, đảm bảo trật tự trị an, yên ổn xóm làng. Những hoạt động này giúp người dân an cư lạc nghiệp, yên ổn cuộc sống, đồng thời cũng thực hiện hiệu quả được nhiệm vụ, mục tiêu kép: vừa thực hiện được một giải pháp kinh tế, giúp ổn định sản xuất nông nghiệp, lại vừa thực hiện được một giải pháp xã hội, giúp hạn chế dân phiêu tán (tức hạn chế được một lực lượng khá đông đảo tham gia vào các cuộc nổi dậy ở Đàng Ngoài nửa đầu thế kỷ XVIII), góp phần giúp ổn định xã hội. Từ đó đã góp phần hiệu quả vào chính sách, biện pháp trị quốc, an dân mà chúa Trịnh Doanh đặt mục tiêu thực hiện ngay từ khi lên ngôi chúa.

Nếu như dưới thời Trần, Chiêu phủ sứ là chức quan đảm trách nhiệm vụ đánh bắt trộm cướp, ở cấp lộ (Đỗ Văn Ninh, 2002, tr.135), thì đến thời Lê Trung hưng, với việc chúa Trịnh Doanh cử Vũ Công Tể và Nguyễn Quý Kính thực hiện các trọng trách Chiêu phủ sứ kể trên, có thể thấy chức trách, nhiệm vụ của chức quan này đã được nhà chúa mở rộng và trọng trách nặng nề hơn rất nhiều, thực hiện nhiệm vụ kép về kinh tế - xã hội. Qua đó cũng cho thấy, tài năng kinh bang tế thế của Vũ Công Tể không chỉ thể hiện ở việc hiến kế trên phủ đường chúa Trịnh và triều đường vua Lê mà còn thể hiện bằng thực tiễn hoạt động tại các địa phương, và một lần nữa cũng góp phần minh chứng cho tài dùng người, trọng dụng nhân tài Vũ Công Tể của chúa Trịnh Doanh.

Không chỉ trọng dụng mưu lược kinh bang tế thế của Vũ Công Tể, chúa Trịnh Doanh còn tin tưởng và sử dụng những người tài do Vũ Công Tể tiến cử. Đại Việt sử ký tục biên cho biết: "Tể hay tiến dẫn người khá, dẫu người có một tài nghệ cũng đều khuyến khích cất nhắc. Kẻ sĩ cũng vui vẻ đem tài ra làm việc. Cho nên ở nơi thôn đã có nhiều người ra giúp nước" (Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789), 2018, tr.199). Như vậy, chúa đã rất tin tưởng vào "con mắt biết nhìn người", tin tưởng vào tài nhìn nhận tài năng người khác của Vũ Công Tể. Cũng chính bởi có những sự tin tưởng đó của chúa Trịnh mà Vũ Công Tể đã giúp cho triều đình Lê – Trịnh có thêm nhiều nhân tài vui vẻ đem tài ra phò giúp nghiệp nước.

Niên phả lục của Phó đô Ngự sử Trần Tiến cho biết thêm câu chuyện cảm động về sự giúp đỡ của Hải Bối công (tức là Vũ Công Tể ở xã Hải Bối) đối với đồng liêu (người cùng làm quan) là Trần Cảnh (người xã Điền Trì huyện Thanh Lâm). Vào năm Nhâm Tuất (1742), Trần Cảnh phụng mệnh chúa Trịnh Doanh hợp binh các đạo để đánh dẹp lực lượng nổi dậy Quận He (tức Nguyễn Hữu Cầu) ở vùng Thanh Hà, Kim Thành nhưng tình cảnh vợ con ông đang ở Kinh thành đói rét khốn cùng, "hầu như khó mà tồn tại được". Trần Cảnh đã đến gặp quan tham chính Vũ Công Tể giãi bày hoàn cảnh và xin cho thôi việc quân để trở về nhà lo cho gia đình, cam chịu nhận tội. Vũ Công Tể đáp lời "sẽ lo liệu" việc nhà của Trần Cảnh để Trần Cảnh an tâm tiếp tục phụng mệnh dẹp giặc được chúa giao. Vũ Công Tể sau đó đã nhờ quan nội sai là Bật Trung hầu đề đạt lên chúa Trịnh Doanh tình cảnh khốn khó của gia đình Trần Cảnh để xin chúa đoái thương mà "truyền cho quan ở bộ Lại chia đều tiền, lộc cho ngài [Trần Cảnh - TG] được hưởng ơn

huệ thực sự để tiện việc sai phái". Chúa Trịnh Doanh đã chuẩn y theo lời thỉnh cầu, từ đó gia đình Trần Cảnh mới có đồ gia dụng để dùng, "không đến nỗi cùng quẫn quá" (Trần Tiến, 2003, tr. 89). Với tầm nhìn trí tuệ, tài năng và đạo đức sáng của người có tình yêu thương quần thần, yêu thương dân chúng, chúa Trịnh Doanh đã thấu hiểu tình cảnh khốn khó của gia cảnh quan Trần Cảnh và không chần chừ chuẩn y lời đề đạt của Vũ Công Tể (được Bật Trung hầu chuyển lời lên chúa). Qua sự việc đó cho thấy tấm lòng nhân ái, đồng cảm và sẵn lòng giúp đỡ người có tình cảnh khó khăn của Vũ Công Tể; đồng thời cũng cho thấy tấm lòng nhân ái của chúa Trịnh Doanh cùng sự tin tưởng của chúa vào những đề xuất của Vũ Công Tể. Tấm lòng nhân ái đó của Vũ Công Tể và chúa Trịnh Doanh đã giúp cho vị quan Trần Cảnh yên tâm việc nhà để tiếp tục đánh dẹp giặc, phục vụ và đóng góp cho việc nước cũng chính là đóng góp cho sự nghiệp trị quốc an dân, dẹp yên loạn lạc của chúa Trịnh Doanh.

Các sử gia triều Nguyễn đã đánh giá cao tài năng, đức độ của Vũ Công Tể và sự trọng dụng nhân tài Vũ Công Tể của chúa Trịnh Doanh: "Công Tể sở trường về văn học, có mưu mô, tài trí, gặp lúc việc quân việc nước bề bộn, biết tuỳ theo đường lối điều khiển xếp đặt. Trịnh Doanh rất làm trọng, bèn cất nhắc lên làm quan ở chính phủ, giao phó cho giữ việc then chốt trong nước. Công Tể lại hay tiến cử người, dầu người có một tài nghệ, cũng khen ngợi cất nhắc không bao giờ bỏ sót. Vì thế, người ta cũng vui lòng làm việc. Trước kia, giặc Sơn Tây là Nguyễn Danh Phương, thanh thế ngày càng lừng lẫy, triều đình bàn muốn chiêu an, chỉ một Công Tể cho là không được, nhất quyết chủ trương đánh phá tiễu trừ. Về sau, quả như lời đã dự liệu của Công Tể" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr. 559-560).

Tháng 8 năm Nhâm Tuất (1742), Tham tụng, Thượng thư bộ Lại, Lãng Quận công Vũ Công Tể qua đời, được triều đình Lê – Trịnh tặng chức Thái bảo[3] (Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789), 2018, tr. 199) và ban Đặc tiến Kim tử Vinh lộc Đại phu, Thượng trật, Tham tụng, Lại bộ Thượng thư, Tri Quốc Tử giám, Tri Kinh diên, tước Lãng Quận công (Hải Bối Vũ Công tộc phả: Từ thủy tổ Vũ Công Cương đến đời thứ 9, tr. 33). Bản Hải Bối Vũ Công tộc phả cũng chép rằng: khi ông qua đời, "các quan trong triều vô cùng thương tiếc, các sĩ phu khắp nơi sửng sốt, trong Kinh biến động cả quỷ thần. Nội đình làm lễ truy điệu. Phủ thượng tổ chức cúng lễ quỷ thần và ban cấp cho tang gia 100 quan tiền, một tòa Phật đình và tặng thêm Thái tử Thái phó, thụy là Đoan Nhã tướng công" (Hải Bối Vũ Công tộc phả: Từ thủy tổ Vũ Công Cương đến đời thứ 9, tr. 34).

3. Kết luận

Trịnh Doanh là vị chúa tài năng và đức độ, thể hiện trên nhiều lĩnh vực: chính trị, quân sự, kinh tế - xã hội… Nhiều chính sách của ông thể hiện năng lực của một nhà chính trị tài giỏi, với tài kinh bang tế thế, trị quốc an dân. Chúa cũng là một vị tướng lĩnh trí dũng, mưu lược, là người có tài trong việc tổ chức, điều hành quản lý kinh tế, và cũng là một thi sĩ có tài làm thơ chữ Nôm. Đặc biệt, ở chúa còn thể hiện tài năng thu phục nhân tâm, quy tụ hiền tài và ổn định lòng người, hội tụ cả chí tài, chí nhân, chí đức, chí nghĩa và toát lên phẩm chất, đức độ của bậc quân tử. Bằng tài đức của mình, chúa Trịnh Doanh đã quy tụ được những người tài năng, đức độ phò giúp nghiệp lớn của chúa và của triều đình Lê – Trịnh, trong đó có nhân tài Thám hoa Vũ Công Tể.

Mặc dù Vũ Công Tể chỉ làm quan khoảng 2 năm dưới thời chúa Trịnh Doanh, nhưng những ghi chép của chính sử triều Lê và triều Nguyễn đã cho thấy, đây là thời gian tài năng của ông được bộc lộ và được trọng dụng ở tầm mức cao nhất. Chính chúa Trịnh Doanh là người đã cất nhắc, trọng dụng, phát huy và phát triển tốt nhất tài mưu lược kinh bang tế thế của vị Thám hoa này. Không phụ sự trọng dụng đó của nhà chúa, Vũ Công Tể - một vị quan tài đức – đã dốc lòng, dốc sức phò tá Trịnh Doanh, hoàn thành tốt mọi trọng trách mà chúa và triều đình Lê – Trịnh giao phó, góp phần giúp Trịnh Doanh thực hiện công nghiệp trị quốc an dân.

Xem tiếp trang 198

3*) Khâm* định *Việt sử thông giám cu*ơng mục lại chép rằng khi ông qua đời, được "truy tặng *Thiếu bảo*".